TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - hạnh phúc
Bản án số: 113/2018/HC-PT Ngày 07-5-2018. V/v khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực đất đai	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng.

Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Tiểu Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 306/2017/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2017/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 482/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Thị B; cư trú tại: Ấp M1, xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Dương Thị H1; cư trú tại: 497B, Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt). (Theo giấy ủy quyền ngày 27/6/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Anh T1 – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 23, đường M3, Phường 1, Thành phố M, Tiền Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo : người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Dương Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/6/2016, người khởi kiện Dương Thị B trình bày:

Vào năm 1978, mẹ của bà là bà Võ Thị H được vợ chồng ông Nguyễn Văn Y chuyển nhượng 6 công đất vườn tọa lạc tại ấp M1, xã M2. Việc sang nhượng đất có chính quyền địa phương xác nhận. Lúc bấy giờ, đất sang nhượng gồm một phần là đất vườn và một phần là hố bom, được cải tạo trồng lúa. Khi sang lấp hố bom làm ruộng, có thuê người đào mương đắp thành bờ, mục đích làm ruộng. Khi có bờ đê, bà con phía trong kênh cũ đi nhờ trên bờ này ra lộ 869. Hiện nay các hộ phía trong có lối đi khác nên bà rào lối đi, để bảo quản tài sản và cây trồng. Từ đó phát sinh tranh chấp.

Ngày 18/12/1991, Ủy ban nhân dân xã M2 ra Quyết định (không số) "buộc bà Dương Thị B trả lại đường đi cho 26 hộ dân ngang 1,5m x dài từ lộ đến bờ kinh sông cũ". Ngày 02/4/1992, Thanh tra huyện C ra Quyết định số 01/QĐ-TT bác đơn khiếu nại của bà Dương Thị B, giữ nguyên Quyết định của Ủy ban nhân dân xã M2. Ngày 16/12/2008, bà yêu cầu phúc tra lại Quyết định số 01/QĐ-TT ngày 02/4/1992 của Thanh tra huyện. Tại văn bản số 1952/UBND-NC ngày 24/11/2010, Ủy ban nhân dân huyện C trả lời với nội dung "hết thời hiệu khiếu nại", bà tiếp tục khiếu nại, ngày 10/9/2013 tại văn bản số 775/BC-TT, Thanh tra tỉnh Tiền Giang xác định chưa có cơ sở chứng minh thời điểm này có triển khai Quyết định số 01/QĐ-TT cho bà B, cần được thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 17/7/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6129/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của bà về việc yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đường đan ngang 1,5m x dài từ lộ đến bờ kinh sông cũ, giữ nguyên hiện trạng đường đan như hiện nay. Bà tiếp tục khiếu nại, ngày 27/5/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 1490 bác đơn của bà, giữ nguyên Quyết định số 6129/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Theo bà, Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1490 ngày 27/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang không có căn cứ và hợp pháp, không có lối đi

công cộng nào thể hiện trên bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính; khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị B không thể hiện có lối đi công cộng; Thực tế, cha bà là ông Dương Văn P đào mương lấp đất, đắp thành bờ đê để làm ruộng; không có chứng cứ chứng minh là lối đi công cộng mà chỉ dựa vào lời khai không có tính thuyết phục.

Lối đi đang tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân vì đương sự có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 thì do Tòa án nhân dân giải quyết. Cụ thể: giấy tờ sang nhượng đất có chứng thực của chính quyền, hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính thể hiện tên người sử dụng đất. Do đó, Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giải quyết lối đi đang tranh chấp (không phải là lối đi công cộng) là trái với quy định của pháp luật. Nếu có yêu cầu mở lối đi trên đất liền kề, do không có lối đi nào khác thì cũng phải đền bù giá trị đất theo quy định tại khoản 1 Điều 275 Bộ luật Dân sự mới đảm bảo sự công bằng và hợp lý.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và hủy Quyết định số 1490/QĐ- UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang; Công nhận quyền sử dụng của bà đối với diện tích đường đan (ngang 1,5m x dài 82,5m) và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này.

Tại công văn số 2296 ngày 24/5/2017, người bị khởi kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trình bày:

Bà Dương Thị B cho rằng Ủy ban nhân dân xã M2 lấy diện tích đất của gia đình bà làm đường đi công cộng. Bà yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần diện tích đường đi nói trên.

Ngày 18/12/1991, Ủy ban nhân dân xã M2 ban hành Quyết định không số, nội dung "buộc bà B trả lại đường đi cho 26 hộ dân có chiều ngang l,5m; chiều dài từ lộ đến bờ kinh sông cũ".

Ngày 02/4/1992, Thanh tra huyện C ban hành Quyết định số 01/QĐ-TT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà B. Do không chứng minh được đã triển khai Quyết định đến bà B nên Ủy ban nhân dân huyện C đã thụ lý lại vụ việc và ban hành Quyết định số 6129/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B. Nội dung Quyết định: không chấp nhận yêu cầu của bà B, giữ nguyên hiện trạng đường đan như hiện nay, chấp nhận phần yêu cầu của bà B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích con mương cặp đường đan. Bà B không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nên khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 27/5/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1490/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B (lần hai). Nội dung Quyết định: Bác đơn khiếu nại của bà Dương Thị B; giữ nguyên Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Phần đường đi mà bà B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được hình thành từ trước năm 1975, đây là lối đi của trên 40 hộ dân ở kênh cũ đi ra Tỉnh lộ 869, là đất sử dụng vào mục đích công cộng. Do đó, việc bà B cho rằng Ủy ban nhân dân xã M2 lấy đất của gia đình bà để làm đường đi là không có cơ sở. Căn cứ Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định về các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì việc bà B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất phần đường đi cho bà là không phù hợp.

Trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đúng theo Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Do đó việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6129/QĐ-UBND và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1490/QĐ-UBND là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại công văn số 1554 ngày 25/7/2016 người bị khởi kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Trước đây bà Dương Thị B (ủy quyền cho bà Dương Thị H1 có đơn khiếu nại cho rằng Ủy ban nhân dân xã M2 lấy diện tích đất của gia đình bà làm đường đi công cộng. Bà yêu cầu cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng phần diện tích đường đi nói trên.

Ngày 17/7/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 6129/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B. Nội dung Quyết định: Không chấp nhận việc bà Dương Thị B, giữ nguyên hiện trạng đường đan như hiện nay, chấp nhận phần yêu cầu của bà B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích con mương cặp đường đan. Bà B không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nên khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 27/5/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1490/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B (lần hai). Nội dung Quyết định: Bác đơn khiếu nại của bà Dương Thị B; giữ nguyên Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Như vậy, trường hợp khiếu nại của bà Dương Thị B đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định giải quyết lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giải quyết lần hai, nội dung Quyết định: Bác đơn khiếu nại của bà B và giữ nguyên Quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hải T2 đại diện theo

pháp luật của Ủy ban nhân dân xã M2, huyện Cải Bè không trình bày ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2017/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 32, điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 36, Điều 37 của Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Xử:

Không chấp nhận khởi kiện của bà Dương Thị B, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/07/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và hủy Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/05/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đình chỉ xét xử, trả lại đơn của bà Dương Thị B đối với yêu cầu công nhận diện tích đường đan (chiều ngang 1,5m x chiều dài 82,5m) thuộc quyền sử dụng đất Bô và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2017, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Dương Thị H1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy một phần Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, công nhận đường đan thuộc quyền sử dụng của bà Dương Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Người khởi kiện, bà Dương Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B. Ngoài ra, bà B yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C công nhận cho bà quyền sử dụng đất đối với diện tích đường đan (1,5m x 82,5m) đang tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B xác định yêu cầu kháng cáo của bà B là có cơ sở vì:

Về thẩm quyền, bà B có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, gồm: Tờ sang nhượng đất năm 1978 có chứng thực, hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính có tên chủ sử dụng đất là Dương Thị B. Do đó,

thẩm quyền giải quyết tranh chấp lối đi thuộc về Tòa án chứ không phải Ủy ban nhân dân.

Về nội dung, lối đi đường đan (ngang 1,5m x dài 82,5m) không phải là lối đi công cộng vì cha bà B là người đào mương đắp đê, làm ruộng, các hộ dân đi nhờ trên đê để ra lộ 869. Hiện đường đi này nằm trên phần đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà B. Kết quả xác minh của Thanh tra huyện C ngày 02/4/1992 (Điều 2 Quyết định số 01/QĐ.TT) ghi đường đi nằm trong đất của ông N mà gia đình bà B sang lại cất nhà để ở, điều này thể hiện con đường nằm trong đất của bà B, không phải lối đi công cộng. Lời khai của Chủ tịch UBND xã M2 tại biên bản đối thoại ngày 20/4/2016 xác định ban đầu chỉ là lối mòn, chưa có lối đi như bây giờ. Trước năm 1975, chiến tranh ác liệt, dân tản cư, không ai ở, đất ruộng đầy hố bom nên không thể có đường đi trước năm 1975. Đến năm 1978, cha bà B đắp đê làm ruộng mới có bờ đê các hộ dân đi nhờ. Bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính không thể hiện có đường đi. Thực tế, gia đình bà B bị mất đất so với diện tích đất đã sang nhượng chứng tỏ đường đi nằm trong đất của bà B. Các quyết định của Ủy ban nhân dân cho rằng đường đi (1,5m x 82,5m) là lối đi công cộng là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, hủy 1 phần Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện C và hủy quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết theo thẩm quyền.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà B được nộp trong thời hạn luật định.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định, trước năm 1975 trên phần đất của ông Y có một đường đi sử dụng chung cho các hộ dân trong khu vực. Năm 1978, ông Y làm giấy tay chuyển nhượng phần đất nói trên cho bà H (mẹ của bà B), giấy tay chuyển nhượng ghi diện tích là 06 công đất vườn; năm 1991, bà H giao phần đất này cho bà B sử dụng. Năm 2000, bà B tách thửa chia cho bà L 1.854m^2 và bà H1 1.949m^2 (bà L, bà H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), phần còn lại năm 2006, bà B đăng ký xin cấp 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện C cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa 605 diện tích 518m^2, thửa số 606 diện tích 1.272m^2. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 4 thửa đất nói trên không thể hiện có phần diện tích đường đi chung. Theo thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 17/11/2014, đại diện theo ủy quyền của bà B xác định khi chuyển nhượng có làm giấy tay có xác nhận của chính quyền địa phương, không đo đạc thực tế, không tứ cận. Lối đi tranh chấp trước năm 1975 chính quyền chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tại Biên bản làm việc ngày 20/01/2015, ông Nguyễn Văn C1,

bà Lê Thị S, ông Huỳnh Văn B1 xác định con đường này có từ thời chống Pháp, nhân dân ở đây sử dụng để đi ra tỉnh lộ 869. Như vậy, không có cơ sở xác định phần diện tích đất đường đan này thuộc quyền sử dụng của bà B. Bà B yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần lối đi đang tranh chấp và con mương nên UBND giải quyết yêu cầu của bà là đúng thẩm quyền. Quyết định số 6129/QĐ-UBND và Quyết định số 1490/QĐ-UBND bác yêu cầu của bà B là có cơ sở. Bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo của người khởi kiện bà Dương Thị B như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20/6/2017, đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án các cấp; ngày 24/4/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Ngày 17/7/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 6129/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 6129) giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B. Không đồng ý, bà B khiếu nại. Ngày 27/5/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tinh Tiền Giang ban hành Quyết định số 1490/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 1490) giải quyết bác khiếu nại của bà B.

Ngày 20/6/2016, bà Dương Thị B khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện: Bà Dương Thị B cho rằng Ủy ban nhân dân xã M2, huyện C lấy diện tích đất của gia đình bà làm đường đi công cộng. Bà khiếu nại yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đường đi nói trên. Ngày 18/12/1991, Ủy ban nhân dân xã M2 ban hành Quyết định không số, nội dung:‘‘*Buộc bà B trả lại đường đi cho 26 hộ dân có chiều ngang l,5m; chiều dài từ lộ đến bờ kinh sông cũ*”. Không đồng ý, bà B khiếu nại.

Ngày 02/4/1992, Thanh tra huyện C ban hành Quyết định số 01/QĐ-TT giải quyết đơn khiếu nại của bà B. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện C không

chứng minh được việc đã triển khai Quyết định số 01/QĐ-TT nêu trên đến bà B. Do đó, năm 2008 Ủy ban nhân dân huyện C đã thụ lý lại vụ việc và ban hành Quyết định số 6129/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B với nội dung: "*Không chấp nhận yêu cầu của bà B. Giữ nguyên hiện trạng đường dall như hiện nay. Chấp nhận phần yêu cầu của bà B về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích con mương cặp đường dall'*. Bà B không đồng ý nên khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27/5/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 1490/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B với nội dung: "*Bác đơn khiếu nại của bà Dương Thị B; Giữ nguyên Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C*".

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà Dương Thị B là phù hợp với quy định tại Điều 126, Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B cho rằng tranh chấp về lối đi này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do bà B có giấy tờ sang nhượng đất có chứng thực của chính quyền, hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính thể hiện tên người sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 thì khi xảy ra tranh chấp đất, bà Dương Thị B có quyền lựa chọn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện. Tuy nhiên, bà B đã không khởi kiện tại Tòa án mà lựa chọn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà B là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[2.2] Về nội dung của các quyết định bị khởi kiện:

Nguồn gốc lối đi đang tranh chấp có diện tích 1,5m x 82,5m, nằm cặp ranh đường mương nước của gia đình bà Dương Thị B, là phần đất công cộng dùng để làm lối đi, từ trước tới nay chưa ai đăng ký, sử dụng.

Bà B cho rằng lối đi trên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà do mẹ bà là bà Võ Thị H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Y từ năm 1978. Việc sang nhượng đất, có chính quyền địa phương xác nhận. Lúc bấy giờ, đất sang nhượng gồm một phần là đất vườn và một phần là hố bom, được cải tạo trồng lúa. Khi sang lấp hố bom làm ruộng, mẹ bà có thuê người đào mương đắp thành bờ, mục đích làm ruộng. Khi có bờ đê, bà con phía trong kênh cũ đi nhờ trên bờ này ra lộ 869. Hiện nay, các hộ phía trong có lối đi khác nên bà rào lối đi để bảo quản tài sản và cây trồng, từ đó phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, tại Tờ sang nhượng đất giữa mẹ bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn Y chỉ thể hiện diện tích chuyển nhượng 6 công đất vườn tọa lạc tại ấp M1, xã M2, không có tứ cận rõ ràng, không phải là căn cứ xác định phần diện tích lối đi đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình bà B. Năm 2000, bà B tách một phần đất cho hai em ruột là bà Dương Thị H1 và bà Dương Thị L và đã được Ủy ban nhân

dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất đã tách. Phần đất còn lại tách thành hai thửa 605 và 606. Năm 2006, bà B xin cấp lại và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa 605 và 606 nêu trên. Trong 04 thửa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có diện tích lối đi đang tranh chấp.

Năm 2008, Ủy ban nhân dân xã M2 thực hiện chủ trương bê tông hóa đường giao thông nông thôn nên đã làm đường bê tông cốt thép phần đất này để dùng làm lối đi duy nhất chung cho hơn 40 hộ dân từ kênh cũ đi ra Tỉnh lộ 869. Bà Dương Thị B cho rằng Ủy ban nhân dân xã đã lấy diện tích đất của gia đình bà làm đường đi công cộng vì trong bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính không thể hiện có lối đi công cộng bên cạnh phần đất của gia đình bà và trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà cũng không thể hiện có lối đi công cộng. Tuy nhiên, đây cũng không phải là căn cứ để xác định phần lối đi đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình bà. Trong khi đó, qua xác minh những người dân sống lâu năm trong khu vực đều xác định: Lối đi này đã được hình thành và sử dụng từ trước năm 1975 tới nay.

[3] Từ những phân tích trên cho thấy, không có căn cứ chấp nhận khởi kiện của bà Dương Thị B yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà B.

Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đúng đắn các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B và đình chỉ yêu cầu công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối diện tích lối đi đang tranh chấp, là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Dương Thị B theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Dương Thị B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 32, điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 36, Điều 37 của Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B đề nghị hủy một phần Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà Dương Thị B.

Đình chỉ xét xử, trả lại đơn đối với yêu cầu công nhận diện tích đường đan (dall) (chiều ngang 1,5m x chiều dài 82,5m) thuộc quyền sử dụng đất bà Dương Thị B và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà Dương Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí bà Dương Thị H1 (đại diện theo ủy quyền của bà B) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002077 ngày 31/07/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Sáng **Phạm Thị Duyên** **Trần Thị Hòa Hiệp**